

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH PHÚ  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 324/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 27-8-2020.  
V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tơ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Dương Văn Hai
- Bà Phan Thị Cẩm Hồng

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Lộc–Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Phú Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2020/TLST–HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2020/QĐST–HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2020/QĐST–HNGĐ ngày 19/8/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Yến P, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: 72/2 ấp AB, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre. Chị P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.
- Bị đơn: anh Huỳnh Văn N, sinh năm 1984; địa chỉ thường trú: 55/3 ấp AP, xã AQ, huyện P, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Nguyễn Yến P trình bày:*

Vào năm 2016 chị P và anh N được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới; hôn nhân tự nguyện; anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AT, huyện P và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/11/2016. Trong thời gian chung sống anh, chị có 01 con chung tên Huỳnh Thị Yến N1, sinh ngày 02/6/2017; hiện con chung đang sống chung với chị P. Chị và anh N không tạo lập được tài sản chung; nợ chung: không có.

Lý do không còn sống chung: do anh N thường xuyên cờ bạc, không chăm lo phát triển kinh tế và cũng không phụ tiền để nuôi con chung nên vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và anh, chị không còn sống chung từ tháng 7/2019 (âm lịch) cho đến nay.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị P có các yêu cầu sau:

- Về hôn nhân: chị P yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Văn N. Sau khi ly hôn chị P không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng cho chị P.

- Về con chung: chị P yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh Thị Yến N1, sinh ngày 02/6/2017 và chị P không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: không có không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

Ngày 27/8/2020 chị P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn Huỳnh Văn N đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia Phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy: Từ tháng 7/2019 (âm lịch) đến nay chị P và anh N đã phát sinh mâu thuẫn và không còn sống chung, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau; cả hai đều không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Do đó có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh N mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị P.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: anh Huỳnh Văn N có địa chỉ thường trú tại 55/3 ấp AP, xã AQ, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: chị P có yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Huỳnh Văn N đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị P, anh N.

[4] Về hôn nhân: chị Nguyễn Yến P và anh Huỳnh Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã An Thuận và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/11/2016. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị P và anh N được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân chị P xin ly hôn với anh N là do anh N thường xuyên cờ bạc, không chăm lo phát triển kinh tế và cũng không phụ tiền để nuôi con chung nên vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và anh, chị không còn sống chung từ tháng 7/2019 (âm lịch) cho đến nay. Xét thấy: Từ tháng 7/2019 (âm lịch) cho đến nay chị P và anh N không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Tòa án đã tạo điều kiện để chị P và anh N hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng anh N vắng mặt không có lý do nên từ đó có căn cứ kết luận tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị P và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P là phù hợp.

[5] Về con chung: chị Nguyễn Yến P và anh Huỳnh Văn N có một con chung tên Huỳnh Thị Yến N1, sinh ngày 02/6/2017. Hiện nay con chung đang sống chung với chị P, cháu Yến N1 được chị P chăm sóc tốt và có sự phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần. Lễ đó yêu cầu được nuôi con chung của chị P là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do chị P không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Anh Huỳnh Văn N có quyền thăm con, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh Huỳnh Văn N có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; chị Nguyễn Yến P có thể yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Do chị Nguyễn Yến P không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung chị Nguyễn Yến P trình bày không có nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

[8] Về nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Chị Nguyễn Yến P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Yến P. Chị Nguyễn Yến P được ly hôn với anh Huỳnh Văn N. Chị Nguyễn Yến P không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Yến P được trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh Thị Yến N1, sinh ngày 02/6/2017. Do chị Nguyễn Yến P không yêu cầu anh Huỳnh Văn N cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Anh Huỳnh Văn N có quyền thăm con, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh Huỳnh Văn N có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; chị Nguyễn Yến P có thể yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: chị Nguyễn Yến P không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Nguyễn Yến P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai số 0011687 ngày 22-6-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã An Thuận;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Tơ**

